HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2020/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh,
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo PY, Đài PT-THPY;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

TM. CHỦ TỌA

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH

Trần Văn Cư

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND Ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại tỉnh Phú Yên.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Uỷ ban nhân dân cấp huyện) quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ):

a) Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 70% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 70% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-

HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (viết tắt là Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

b) Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 70% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 70% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại là 140.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 210.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 70% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

2. Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

a) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 70% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại là 140.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 210.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 70% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

b) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 70% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại hỗ trợ 35% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 35% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

c) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 35% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

3. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản tạp chí, ấn phẩm khuyến nông, tổ chức sự kiện khuyến nông (hội nghị, hội thảo, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm), xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông và các hình thức thông tin tuyên truyền khuyến nông khác.

2. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia. Hỗ trợ 70% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thực hiện theo quy định tại Khoản 19 Điều 3 và Khoản 7 Điều 4 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu và thẩm quyền phê duyệt giá của gói thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 27/9/2019 của HĐND tỉnh quy định về phân cấp, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.

Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn trung du, miền núi, bãi ngang được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

c) Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 35% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 70 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

e) Hỗ trợ 70% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

2. Chính sách nhân rộng mô hình

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình: Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

4. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình: Mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

5. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng 70% mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ quản lý nhiệm vụ khuyến nông

1. Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 2% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan được ủy quyền) giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện.

2. Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 3,5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan được ủy quyền) giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Các quy định khác không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và các quy định khác của pháp luật hiện hành./.

TM. CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Trần Văn Cư